

**HIỆP ĐỊNH MIỄN THỊ THỰC KÝ KẾT GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC**  
(Tính đến tháng 10/2008)

Theo Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao

T.T	Nước	T.T	Nước	T.T	Nước	T.T	Nước
1	Ác-hen-ti-na	14	Hàn Quốc	27	Mi-an-ma	40	Séc-bia
2	An-ba-ni	15	Hung-ga-ri	28	Nam Phi	41	Sri Lan-ka
3	An-giê-ri	16	In-đô-nê-xi-a	29	Nga	42	CHDCND Triều Tiên
4	Áp-ga-ni-xtan	17	I-ran	30	Nhật Bản	43	Trung Quốc
5	Ấn Độ	18	I-rắc	31	Ni-ca-ra-go-a	44	Thái Lan
6	Băng-la-đét	19	Kư-rư-gis-xtan	32	Pakistan	45	Thổ Nhĩ Kỳ
7	Bê-la-rút	20	Lào	33	Pa-na-ma	46	U-crai-na
8	Bra-xin	21	Ma-lai-xi-a	34	Pa-ra-goay	47	Vê-nê-du-ê-la
9	Bru-nây	22	Ma-rốc	35	Pê-ru	48	Xin-ga-po
10	Bun-ga-ri	23	Mê-hi-cô	36	Pháp	49	Xlô-va-ki-a
11	Cam-pu-chia	24	Môn-đô-va	37	Phi-líp-pin	50	U-ru-goay
12	Chi-lê	25	Mông Cổ	38	Ru-ma-ni		
13	Cu-ba	26	Mông-tê-nê-grô	39	Cộng hoà Séc		

Chữ viết tắt: HCNG - hộ chiếu ngoại giao  
HCCV - hộ chiếu công vụ  
HCPT - hộ chiếu phổ thông  
CQĐDNG - cơ quan đại diện ngoại giao  
CQLS - cơ quan lãnh sự  
TCQT - tổ chức quốc tế

- Miễn thị thực bao gồm việc miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh.
- Thời gian tạm trú miễn thị thực được tính từ ngày nhập cảnh.

T.T	Nước	Nội dung miễn thị thực
1	Ác-hen-ti-na	(Hiệp định ký ngày 14/9/1999, có hiệu lực từ ngày 13/11/1999): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú 60 ngày, trong thời gian đó họ phải hoàn tất các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận. Qui định này không áp dụng đối với nhân viên phục vụ riêng.
2	An-ba-ni	(trao đổi công hàm ngày 29/9/1956, có hiệu lực từ 1/10/1956): Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và hộ chiếu tập thể đi công vụ.
3	An-giê-ri	(Hiệp định ký ngày 30/6/1994, có hiệu lực từ ngày 02/01/1995): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày; nếu muốn tạm trú quá 90 ngày họ phải làm các thủ tục cần thiết xin cấp thị thực tạm trú hoặc đăng ký cư trú theo quy định của nước sở tại. - Cấp thị thực tạm trú hoặc đăng ký cư trú miễn phí cho thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình sống chung một hộ với họ. Thời hạn thị thực có giá trị đến hết nhiệm kỳ công tác. - Cấp thị thực cho HCPT miễn thu lệ phí.
4	Áp-ga-ni-xtan	(Hiệp định ký ngày 28/12/1987, có hiệu lực từ ngày 26/2/1988): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV. - Cấp thị thực cho HCPT miễn thu lệ phí.
5	Ấn Độ	(Hiệp định ký ngày 7/9/1994, có hiệu lực từ ngày 23/3/1995): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con cùng sống với họ mang HCNG, HCCV, được nhập cảnh miễn thị thực và được cấp thị thực tạm trú có giá trị trong suốt nhiệm kỳ công tác theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan đại diện liên quan.
6	Băng-la-đét	(Hiệp định ký ngày 11/5/1999, có hiệu lực từ ngày 10/7/1999): - Miễn thị thực với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày cho: công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV; công dân Băng-la-đét mang HCNG và HC đi nước ngoài có dấu "công vụ". Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của họ mang HCNG, HCCV (hoặc tên của con được ghi vào HC của cha mẹ) với thời gian tạm trú 90 ngày; việc nhập cảnh phải được thông báo trước qua đường ngoại giao. Trong thời hạn 90 ngày, những người này phải làm thủ tục lưu trú cần thiết theo

		<p>qui định của nước sở tại;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Con dưới 18 tuổi của thành viên CQĐDNG, CQLS mang HCPT được hưởng chế độ miễn thị thực như của cha, mẹ (với điều kiện có công hàm xác nhận của CQĐDNG, CQLS hoặc Bộ Ngoại giao nước mình).</li> </ul>
7	Bê-la-rút	<p>(Hiệp định ký ngày 25/10/1993, có hiệu lực từ ngày 24/11/1993):</p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV. Trẻ em dưới 7 tuổi không nhất thiết phải có ảnh trong hộ chiếu của cha mẹ hay người đi kèm.</p>
8	Bra-xin	<p>(Trao đổi công thư ngày 16/11/2004, có hiệu lực ngày 12/2/2005)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG trong suốt nhiệm kỳ công tác. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, họ phải làm thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận.</li> </ul>
9	Bru-nây (Brunei)	<p>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 1/11/1997)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</li> </ul> <p>(Ban trao công hàm cho ta, có hiệu lực từ ngày 01/8/2007)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho công dân Việt Nam mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</li> </ul> <p>(Ta trao công hàm cho Brunei, có hiệu lực từ ngày 08/8/2007)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho công dân Brunei mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</li> </ul>
10	Bun-ga-ri (Bulgaria)	<p>( trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 1/6/1966):</p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, HCPT đi công vụ, hộ chiếu tập thể đi công vụ và những người mang các HC trên đi du lịch tổ chức thành đoàn.</p>
11	Cam-pu-chia	<p>(Hiệp định ký ngày 30/11/1979, có hiệu lực từ ngày ký):</p> <p>Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, giấy thông hành ngoại giao, công vụ, không quy định cụ thể thời gian miễn thị thực.</p>
12	Chi-lê	<p>(Hiệp định ký ngày 22/10/2003, có hiệu lực từ ngày 25/6/2005):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 90 ngày theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV (hoặc tên con của họ được ghi vào HC của cha hoặc mẹ).</li> </ul>
13	Cu-ba	<p>(Hiệp định ký ngày 31/8/1981, đang có hiệu lực):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực đối với công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV, HCPT đi công vụ và hộ chiếu thuyền viên; đối với công dân Cu-ba mang HCNG, HCCV, hộ chiếu chính thức và hộ chiếu hàng hải.</li> <li>- Cấp thị thực cho các loại HC khác miễn thu lệ phí.</li> </ul>
14	Hàn Quốc	<p>(Hiệp định ký ngày 15/12/1998, có hiệu lực từ ngày 13/1/1999):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. Người mang HCNG, HCCV muốn tạm trú quá 90 ngày phải xin thị thực trước và được cấp thị thực miễn thu lệ phí.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
15	Hung-ga-ri	<p>(Hiệp định ký ngày 4/5/1993, có hiệu lực từ ngày 1/8/1993)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, cơ quan thương mại, TCQT và vợ hoặc chồng, con vị thành niên cùng sống với họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul> <p>(Trao đổi công hàm tạo điều kiện thuận lợi cho người mang HCPT đi công vụ, có hiệu lực từ ngày 01/8/1993):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp thị thực cho HCPT đi công vụ trong vòng 7 ngày làm việc, miễn thu lệ phí với điều kiện có công hàm của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao Hung-ga-ri khẳng định tính chất công vụ của chuyến đi.</li> </ul>
16	In-đô-nê-xi-a	<p>(Trao đổi công hàm ngày 19/8/1998; có hiệu lực ngày 19/9/1998):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 14 ngày.</li> <li>- Thành viên CQĐDNG, CQLS và vợ hoặc chồng, con cùng đi mang HCNG, HCCV phải xin thị thực trước khi đi công tác nhiệm kỳ.</li> <li>- Cấp thị thực miễn phí cho người mang HCPT được mời tham dự các hoạt động của ASEAN do ban thư ký ASEAN hoặc các cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ tổ chức.</li> </ul>

		<p>* Hiệp định ký ngày 26/6/2003, có hiệu lực ngày 4/12/2003: Miễn thị thực cho người mang HCPT với thời gian tạm trú không quá 30 ngày với điều kiện hộ chiếu phải còn thời hạn giá trị ít nhất 6 tháng. Thời gian tạm trú không được gia hạn.</p> <p>* Ngày 19/01/2004, Bộ Ngoại giao In-đô-nê-xi-a có công hàm thông báo: Từ ngày 01/02/2004, công dân Việt Nam (không phân biệt loại HC) được nhập cảnh In-đô-nê-xi-a miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú không được gia hạn.</p>
17	I-ran	<p>(Hiệp định ký ngày 2/5/1994, có hiệu lực từ ngày 1/6/1994):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú tối đa 1 tháng (30 ngày). Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực nhập cảnh cho thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình họ mang HCNG, nhưng phải thông báo trước khi nhập cảnh một tháng. Sau khi nhập cảnh họ phải đến Bộ Ngoại giao nước sở tại để nhận thẻ cư trú.</li> </ul>
18	I-rắc	<p>(Hiệp định ký ngày 13/6/2001, có hiệu lực từ 1/12/2001):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.</li> </ul>
19	Ky-r-gi-s-tan (Kyrgyzstan)	<p>(kế thừa Hiệp định về điều kiện đi lại giữa VN và Liên Xô cũ ký ngày 15/7/1981) Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, và HCPT đi việc công (không phân biệt mục đích nhập cảnh).</p>
20	Lào	<p>(Hiệp định miễn thị thực cho HCNG, HCCV ký ngày 17/7/1977; Công hàm trao đổi năm 1993; Thoả thuận Cửa Lò năm 1999 và Thoả thuận Viêng-chán năm 2002 về MTT cho HCPT đi việc công; Hiệp định MTT cho HCPT ký ngày 05/3/2004):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, không quy định rõ thời gian tạm trú<sup>1</sup>.</li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công (tem AB của Việt Nam, ký hiệu SERVICE của Lào, ký hiệu công vụ có giá trị không quá 1 năm), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công với thời gian tạm trú 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh;</li> <li>+ Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công (thuộc mọi thành phần kinh tế và các tổ chức có tư cách pháp nhân) thực hiện các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư và các dự án hợp tác. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, chủ dự án hoặc người sử dụng lao động phải làm đầy đủ các thủ tục đăng ký cư trú cho người lao động theo qui định hiện hành của mỗi nước. Thời hạn cư trú được cấp phù hợp với thời hạn của hợp đồng lao động đã ký kết.</li> <li>+ Miễn thị thực cho người mang HCPT đi việc công là học sinh, sinh viên, thực tập sinh theo chương trình hợp tác giữa hai Chính phủ hoặc giữa các tổ chức quốc doanh hai nước. Thời hạn cư trú được cấp phù hợp với thời hạn của chương trình hợp tác.</li> </ul> </li> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCPT còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng với thời gian tạm trú không quá 30 ngày; thời gian tạm trú có thể được xem xét gia hạn trong trường hợp đặc biệt. Người có nhu cầu nhập cảnh trên 30 ngày phải xin thị thực trước; thời gian tạm trú có thể được gia hạn.</li> </ul>
21	Ma-lai-xi-a	<p>(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 25/11/2001):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang các loại hộ HC, với thời gian tạm trú không quá 30 ngày và với những mục đích sau: du lịch; tham dự các hoạt động thông tấn, báo chí; đi việc công; thăm thân nhân; đàm phán thương mại; đầu tư; tham dự các hoạt động thể thao; tham dự các hội nghị, hội thảo.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS mang HCNG, HCCV và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Họ và tên của những người này phải được thông báo cho nước tiếp nhận 14 ngày trước khi nhập cảnh.</li> </ul>
22	Ma-rốc	<p>(Hiệp định ký ngày 18/11/2004, có hiệu lực từ ngày 19/12/2004)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, hộ chiếu đặc biệt với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV, hộ chiếu đặc biệt, với thời gian tạm trú 90 ngày. Trong thời gian 90 ngày, những người này phải hoàn tất thủ tục đăng ký lễ tân cần thiết.</li> </ul>
23	Mê-hi-cô	<p>(Hiệp định ký ngày 6/12/2001, có hiệu lực từ ngày 4/2/2002):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS.</li> <li>- Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và</li> </ul>

<sup>1</sup> Hiện nay, Lào áp dụng thời gian tạm trú là 30 ngày.

		thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất thủ tục lưu trú theo quy định của nước sở tại.
24	Môn-đô-va	(Hiệp định ký ngày 28/2/2003, có hiệu lực từ ngày 23/5/2003): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực nhập cảnh cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. Sau khi nhập cảnh, họ phải đăng ký tạm trú phù hợp với pháp luật nước tiếp nhận.
25	Mông Cổ	(Hiệp định ký ngày 7/1/2000, có hiệu lực từ ngày 6/2/2000): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày; thời gian tạm trú có thể được gia hạn trong trường hợp bất khả kháng và theo yêu cầu bằng văn bản của CQĐDNG, CQLS. Nếu có ý định tạm trú trên 90 ngày, những người nói trên phải xin thị thực trước và được cấp miễn phí. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. - Miễn thị thực cho người mang HCPT nhập cảnh theo thư mời của thành viên CQĐDNG, CQLS và được cơ quan đại diện liên quan xác nhận. Thư mời được lập bằng ngôn ngữ của nước đến hoặc bằng tiếng Anh; - Cấp thị thực cho HCPT miễn thu lệ phí và trong 1-2 ngày làm việc.
26	Mông-tê-nê-grô	(Hiệp định <sup>2</sup> ký ngày 5/6/2000, có hiệu lực từ ngày 1/9/2000): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.
27	Mi-an-ma	(Bản ghi nhớ ký ngày 22/6/1998; có hiệu lực từ ngày 11/8/1998): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT, các văn phòng thương mại và thành viên gia đình họ phải xin thị thực trước khi nhập cảnh.
28	Nam Phi	(Hiệp định ký ngày 24/05/2007, có hiệu lực từ ngày 23/06/2007). - Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao (HCNG), hộ chiếu công vụ (HCCV) với thời hạn tạm trú tối đa 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho người mang HCNG, HCCV là thành viên CQĐDNG, CQLS trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình mang HCNG hoặc HCCV của những người nêu trên.
29	Nga	(Hiệp định ký ngày 28/10/1993, có hiệu lực từ ngày 20/2/1994; công hàm trao sửa đổi bổ sung Hiệp định có hiệu lực từ 2/1/2005): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn tối đa 90 ngày khi có lý do chính đáng hoặc theo yêu cầu chính thức. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT, cán bộ của các tổ chức, cơ quan đóng trên lãnh thổ của nhau theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ, cùng thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV. - Những người mang hộ chiếu thuyền viên là thủy thủ trên tàu của một bên có thể đến, rời khỏi tàu của họ và tạm trú trên lãnh thổ bên kia miễn thị thực. Nếu họ đi bằng phương tiện vận tải khác qua lãnh thổ của bên kia thì được miễn thị thực khi trong hộ chiếu thuyền viên có ghi mục đích chuyến đi và nơi đến. - Miễn thị thực cho thành viên tổ bay là công dân của các bên với thời gian tạm trú không quá 30 ngày với các điều kiện sau: + Làm nhiệm vụ trên các chuyến bay của các hãng hàng không được chỉ định, chuyến bay khác do các hãng hàng không hai nước thực hiện, chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay do tổ bay thuê thực hiện trên các tàu bay tư nhân được một trong 2 bên đăng ký. + Có hộ chiếu, thẻ phi hành đoàn kèm theo danh sách tổ bay. - Cấp thị thực miễn phí cho người đi thăm thành viên CQĐDNG, CQLS trên cơ sở thư mời (có xác nhận của CQĐD liên quan) trong vòng 3 ngày làm việc. Thị thực có giá trị nhập xuất cảnh 2 lần và thời hạn không quá 3 tháng.
30	Nhật Bản	(Trao đổi công hàm ngày 8/3/2005, có hiệu lực từ ngày 1/5/2005) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV đi thực hiện chức năng ngoại giao, chức năng lãnh sự, nhiệm vụ chính thức của Chính phủ với thời hạn tạm trú không giới hạn. - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV đi với các mục đích khác (không bao gồm mục đích xin việc làm, cư trú, hành nghề chuyên môn, các công việc khác có thu

<sup>2</sup> Hiệp định ký với Cộng hòa Liên bang Nam tư, nay có hiệu lực với Séc-bia và Mông-tê-nê-grô.

		nhập) với thời hạn tạm trú không quá 90 ngày.
31	Ni-ca-ra-goa	(Hiệp định ký ngày 14/3/1983, đang có hiệu lực): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV hoặc hộ chiếu chính thức. - Cấp thị thực cho các loại HC khác miễn thu lệ phí.
32	Pakistan	(Hiệp định ký ngày 31/01/2007, có hiệu lực từ ngày 2/3/2007) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú tối đa 90 ngày. Mỗi bên có thể gia hạn tạm trú theo yêu cầu bằng văn bản của CQĐDNG và CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho người mang HCNG, HCCV là thành viên CQĐDNG, CQLS, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV (bao gồm vợ, chồng, con dưới 18 tuổi). Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký lưu trú.
33	Pa-na-ma	(Hiệp định ký ngày 5/9/2002, có hiệu lực từ ngày 4/11/2002) - Miễn thị thực đối với công dân Việt Nam (không thường trú tại Pa-na-ma) mang HCNG, HCCV và công dân Pa-na-ma (không thường trú tại Việt Nam) mang HCNG, HCCV, hộ chiếu đặc biệt, hộ chiếu lãnh sự với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS là công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV và công dân Pa-na-ma mang HCNG, HCCV, hộ chiếu lãnh sự hoặc hộ chiếu đặc biệt, và thành viên gia đình sống cùng một hộ với họ.
34	Pa-ra-goay	(Hiệp định ký ngày 08/3/2007, có hiệu lực từ ngày 26/10/2008) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con mang HCNG, HCCV.
35	Pê-ru	(Hiệp định ký ngày 24/2/2006, có hiệu lực từ ngày 2/6/2006) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV của Việt Nam và HCNG, HC đặc biệt của Pê-ru với thời gian tạm trú tối đa là 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên của CQĐDNG, CQLS, đại diện tại TCQT trên lãnh thổ Bên kia và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV, HC đặc biệt.
36	Pháp	(Hiệp định ký ngày 6/10/2004, có hiệu lực từ ngày 1/7/2005) - Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời hạn lưu trú không quá 3 tháng trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên. Trường hợp nhập cảnh Pháp sau khi quá cảnh lãnh thổ của một hay nhiều quốc gia thành viên Công ước thi hành Hiệp định Schengen ngày 19/6/1990, thời hạn lưu trú 3 tháng được tính từ ngày nhập cảnh biên giới bên ngoài dùng để xác định không gian đi lại tự do được thiết lập giữa các quốc gia này.
37	Phi-líp-pin	(Bản ghi nhớ ký ngày 20/01/1997, có hiệu lực từ ngày 19/02/1997): - Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu chính thức. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT (kể cả thành viên gia đình) mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Trong thời gian đó, họ phải làm các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại. Việc nhập cảnh của các đối tượng này phải được thông báo trước qua đường ngoại giao. (Bản ghi nhớ ký ngày 17/12/1998, có hiệu lực từ ngày 16/2/1999): - Miễn thị thực cho người mang HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực cho thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCCV với thời gian tạm trú tối đa 30 ngày. Trong thời gian đó, họ phải làm các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại - Miễn thị thực cho công dân một Bên làm việc cho Ban thư ký ASEAN mang HCPT khi nhập cảnh Bên kia để tham dự các hoạt động của ASEAN, thời gian tạm trú không quá 15 ngày; - Miễn thị thực cho người mang HCPT được mời tham dự các hoạt động của ASEAN do Ban thư ký ASEAN hoặc cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ tổ chức, thời gian tạm trú không quá 15 ngày. (Trao đổi công hàm miễn thị thực cho HCPT theo nguyên tắc có đi có lại; có hiệu lực đối với công dân Việt Nam từ ngày 01/01/2000, đối với công dân Phi-líp-pin kể từ ngày 1/4/2000): Miễn thị thực cho người mang HCPT, thời gian tạm trú không quá 21 ngày với điều kiện hộ chiếu còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng và có vé máy bay khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.
38	Ru-ma-ni	(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ ngày 1/12/1956): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV, hộ chiếu tập thể đi công vụ và HCPT đi

		công vụ, không quy định cụ thể thời gian tạm trú <sup>3</sup> ; - Thị thực cấp cho HCPT miễn thu lệ phí.
39	Cộng hoà Séc	(trao đổi công hàm ngày 15/12/1999, có hiệu lực từ ngày 13/2/2000): - Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình ở cùng một hộ với họ mang HCNG.
40	Séc-bia	(Hiệp định <sup>4</sup> ký ngày 5/6/2000, có hiệu lực từ ngày 1/9/2000): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.
41	Sri Lan-ka	(Hiệp định ký ngày 21/7/2003, có hiệu lực từ ngày 19/9/2003) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo đề nghị CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và thành viên gia đình họ mang HCNG, HCCV.
42	CHDCND Triều Tiên	(trao đổi công hàm): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và hộ chiếu tập thể đi công vụ (có hiệu lực từ 01/10/1956). - Miễn thị thực cho người mang HCPT đi công vụ (có hiệu lực từ 01/4/1966).
43	Trung Quốc	(Hiệp định ký ngày 14/2/1992, có hiệu lực từ ngày 15/3/1992 Công hàm trao đổi ngày 16/8/2004) <sup>5</sup> : - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV và HCPT đi việc công (áp dụng đối với vợ hoặc chồng, con chưa đến tuổi thành niên của họ cùng đi cùng chung một trong 3 loại hộ chiếu kể trên), không quy định rõ thời gian tạm trú <sup>6</sup> . - Miễn lệ phí thị thực cho thành viên gia đình (vợ/chồng, con, bố, mẹ) của viên chức, nhân viên hành chính-kỹ thuật CQĐDNG, CQLS hai nước đi thăm thân nhân là viên chức, nhân viên cơ quan đại diện nước mình tại nước kia.
44	Thái Lan	(Hiệp định ký ngày 12/3/1997, có hiệu lực từ ngày 10/5/1997; Nghị định thư sửa đổi Hiệp định nói trên ký ngày 20/02/2004, có hiệu lực từ ngày ký): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT cũng như vợ hoặc chồng và con cùng đi mang HCNG, HCCV. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, họ phải hoàn thành thủ tục đăng ký tạm trú tại nước sở tại. (Hiệp định ký ngày 9/5/2000, có hiệu lực từ ngày 9/7/2000): - Miễn thị thực cho người mang HCPT với thời gian tạm trú không quá 30 ngày.
45	Thổ Nhĩ Kỳ	(Hiệp định ký ngày 26/1/2007; có hiệu lực từ ngày 07/06/2007) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV của Việt Nam và người mang HCNG, HCCV và HC đặc biệt của Thổ Nhĩ Kỳ với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với công dân mỗi Bên là thành viên CQĐDNG, CQLS đóng trên lãnh thổ của Bên kia, cũng như thành viên gia đình họ mang những hộ chiếu nói trên. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh, những người này phải hoàn tất các thủ tục đăng ký lưu trú với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.
46	U-crai-na	(Hiệp định ký ngày 21/10/1993, có hiệu lực từ ngày 6/12/1993): - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90 ngày. Thời gian tạm trú có thể được gia hạn theo yêu cầu của CQĐDNG, CQLS. - Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu thuyền viên với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ cũng như những người khác được họ nuôi dưỡng mang HCNG, HCCV.
47	Vê-nê-du-ê-la	(Hiệp định ký ngày 24/5/2006, có hiệu lực từ ngày 17/11/2006) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú không quá 90

<sup>3</sup> Hiện nay, Ru-ma-ni áp dụng thời gian tạm trú là 90 ngày.

<sup>4</sup> Hiệp định ký với Cộng hoà Liên bang Nam tư, nay có hiệu lực với Séc-bia và Mông-tê-nê-grô.

<sup>5</sup> Hiệp định này không áp dụng đối với Hong Kong và Ma Cao.

<sup>6</sup> Hiện nay, Trung Quốc áp dụng thời gian tạm trú là 30 ngày.

		ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác đối với thành viên CQĐDNG, CQLS, TCQT và vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ mang HCNG, HCCV.
48	Xin-ga-po	(trao đổi công hàm, có hiệu lực từ 10/5/1997) : - Việt Nam miễn thị thực cho công dân Xin-ga-po mang HCNG, HCCV với thời hạn tạm trú không quá 90 ngày hoặc trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức đối với những người là thành viên CQĐDNG, CQLS và thành viên gia đình của những người đó. - Xin-ga-po miễn thị thực cho công dân Việt Nam mang HCNG, HCCV. (trao đổi công hàm miễn thị thực cho HCPT, có hiệu lực đối với công dân Việt Nam từ ngày 10/11/2003, đối với công dân Xin-ga-po từ ngày 01/12/2003): - Miễn thị thực cho người mang HCPT, thời gian tạm trú không quá 30 ngày, với điều kiện hộ chiếu còn giá trị ít nhất 6 tháng và có vé khứ hồi hoặc vé đi tiếp nước khác, có khả năng tài chính chi trả trong thời gian tạm trú và có đủ các điều kiện cần thiết để đi tiếp nước khác, bao gồm cả thị thực.
49	Xiô-va-ki-a	(Hiệp định ký ngày 16/10/2006, có hiệu lực từ ngày 24/2/2007): - Miễn thị thực cho người mang HCNG với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCNG là viên chức của CQĐDNG, CQLS hoặc cơ quan đại diện của TCQT trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ mang HCNG. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký lưu trú. - Xem xét thuận lợi việc cấp thị thực cho người mang hộ chiếu công vụ khi có công hàm của CQĐDNG, CQLS hoặc Bộ Ngoại giao Bên kia.
50	U-ru-goay	(Hiệp định ký ngày 19/11/2007, có hiệu lực từ ngày 15/6/2008) - Miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV với thời gian tạm trú tối đa 90 ngày. - Miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác cho công dân mang HCNG là viên chức của CQĐDNG, CQLS hoặc cơ quan đại diện của TCQT trên lãnh thổ Bên ký kết kia và thành viên gia đình họ mang HCNG. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh phải đăng ký lưu trú.

**Ghi chú: Ngoài ra Việt Nam đơn phương miễn thị thực cho những đối tượng sau:**

1. Quan chức, viên chức Ban Thư ký ASEAN được miễn thị thực Việt Nam với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày, không phân biệt họ mang hộ chiếu gì.

(Thông tư số 04 /2002/TTLT/BCA-BNG ngày 29/01/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam).

2. Từ 01/7/2004, công dân Nhật Bản và công dân Hàn Quốc, không phân biệt loại hộ chiếu<sup>7</sup>, được miễn thị thực nhập xuất cảnh Việt Nam với thời gian tạm trú không quá 15 ngày, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản hoặc của Hàn Quốc cấp, hộ chiếu còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh.
- + Có vé phương tiện giao thông khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.
- + Không thuộc đối tượng không được phép nhập cảnh Việt Nam.

(Quyết định số 09/2004/QĐ-BNG ngày 30/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao v/v ban hành Quy chế tạm thời về miễn thị thực đối với công dân Nhật Bản và công dân Hàn Quốc).

3. Từ 1/5/2005, công dân Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển không phân biệt loại hộ chiếu và mục đích nhập cảnh được miễn thị thực nhập xuất cảnh Việt Nam với thời hạn tạm trú không quá 15 ngày, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có hộ chiếu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp và hộ chiếu còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh.
- + Có vé phương tiện giao thông khứ hồi hoặc đi tiếp nước khác.
- + Không thuộc đối tượng không được phép nhập cảnh Việt Nam.

(Quyết định 808/2005/QĐ-BNG ngày 13/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao v/v ban hành Quy chế về miễn thị thực đối với công dân các nước Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển).

<sup>7</sup> Thực tế, chủ yếu áp dụng đối với HCPT vì Nhật Bản và Hàn Quốc đã có thoả thuận với Việt Nam về miễn thị thực cho người mang HCNG, HCCV.